TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

TP Cao Lãnh, ngày 24 tháng 4 năm 2020

Số: 05/2020/QĐST-VDS.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đinh Tấn Hiếu.
Thư ký phiên họp: Bà Đoàn Thị Cẩm Hừng.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 04/2020/TLST-VDS, ngày 09 tháng 01 năm 2020, về việc "Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 34/2020/QĐST-VDS, ngày 15 tháng 4 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1965, địa chỉ: Số 01, tổ 1, ấp Hòa Mỹ, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- *Người bị yêu cầu*:

1/ Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1956.

2/ Nguyễn Văn Bé C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp Đông Bình, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn Văn N.

Địa chỉ thường trú: Ấp Đông Bình, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: Số 088, Ấp 3, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Tất cả các đương sự đều có mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Người yêu cầu Nguyễn Thị Bé T trình bày*:

Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Ngo đều đã chết, ông K và bà Ngo có 06 người con gồm: ông Nguyễn Văn Ng, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Bé U. Hiện nay, ông Mvà bà Bé U đã chết.

Từ khi sinh ra đến nay, ông Ng và ông C đã bị hạn chế khả năng nhận thức, làm chủ hành vi. Theo đơn yêu cầu, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Ng và ông C là người mất năng lực hành vi, nhưng theo Kết luận của Trung tâm

pháp y tâm thần khu vực tây nam bộ, kết luận ông Ng và ông C là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Do đó tại phiên họp, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Ng và ông C có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi để bổ sung hồ sơ khởi kiện vụ án tranh chấp về dân sự thừa kế tài sản. Đồng thời bà T yêu cầu được giám hộ cho ông Ng và ông C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn N trình bày*:

Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Ngo đều đã chết, ông K và bà Ngo có 06 người con gồm: ông Nguyễn Văn Ng, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Bé U. Hiện nay, ông Mvà bà Bé U đã chết.

Từ khi sinh ra ông Ng và ông C đã bị hạn chế khả năng nhận thức, làm chủ hành vi. Ông N đồng ý để bà Bé T làm người giám hộ cho ông Ng và ông C.

- ***Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp***:

Về thủ tục: Trong quá trình thu thập chứng cứ, từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên họp, Thẩm phán đã tiến hành đúng với quy định của Bộ luật tống tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé T, yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Văn Ng và ông Nguyễn Văn C là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, và chỉ định bà T làm giám hộ cho ông Ng và ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn yêu cầu, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Ng và ông C là người mất năng lực hành vi dân sự. Ông Ng và ông C, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đông Bình, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1, Điều 27, khoản 2, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

[2] Xét yêu cầu của người yêu cầu:

Theo kết luận số 43/2020/KLGĐTC, ngày 17/02/2020 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực tây nam bộ, kết luận: ông Nguyễn Văn Ng có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Theo kết luận số 44/2020/KLGĐTC, ngày 17/02/2020 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực tây nam bộ, kết luận: ông Nguyễn Văn C có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Do đó căn cứ và Điều 23 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét người giám hộ:

Tại phiên họp, bà T và ông N đồng ý để bà T làm Người giám hộ cho ông Ng và ông C.

Tại phiên họp, ông Ng không có năng lực thể hiện ý chí, ông C thể hiện được ý chí đồng ý bà T làm người giám hộ.

Do đó căn cứ Điều 46 và Điều 54 Bộ luật dân sự năm 2015, chỉ định bà T làm Người giám hộ cho ông Ng và ông C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: các điều 23, 46 và Điều 54 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 370, 376, 378 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Văn Ng và ông Nguyễn Văn C có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Tuyên bố ông Nguyễn Văn Ng và ông Nguyễn Văn C có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Bà Nguyễn Thị Bé T là người giám hộ của ông Nguyễn Văn Ng và ông Nguyễn Văn C. Bà T có các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ được quy định tại các điều 57, 58 và Điều 59 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà T phải nộp tiền lệ phí 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0008047, ngày 03/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, bà T đã nộp xong.

Đương sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Quyết định này có thể bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nôi nhaän:
- Ñöông söï;
- VKSND TPCL;

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đinh Tấn Hiếu

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại…… là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"